

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI  
**BAN QUẢN LÝ DI TÍCH - DANH THẮNG**

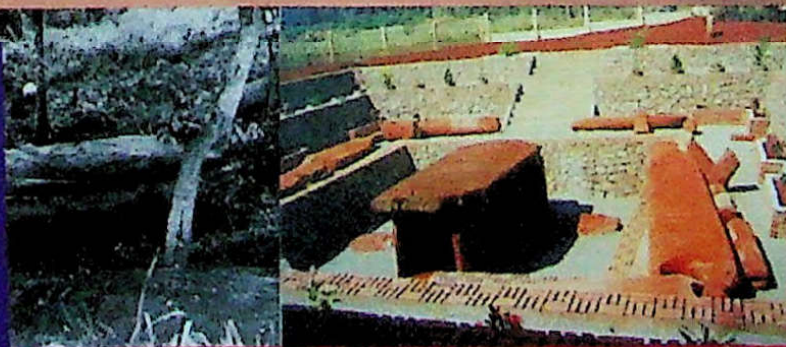
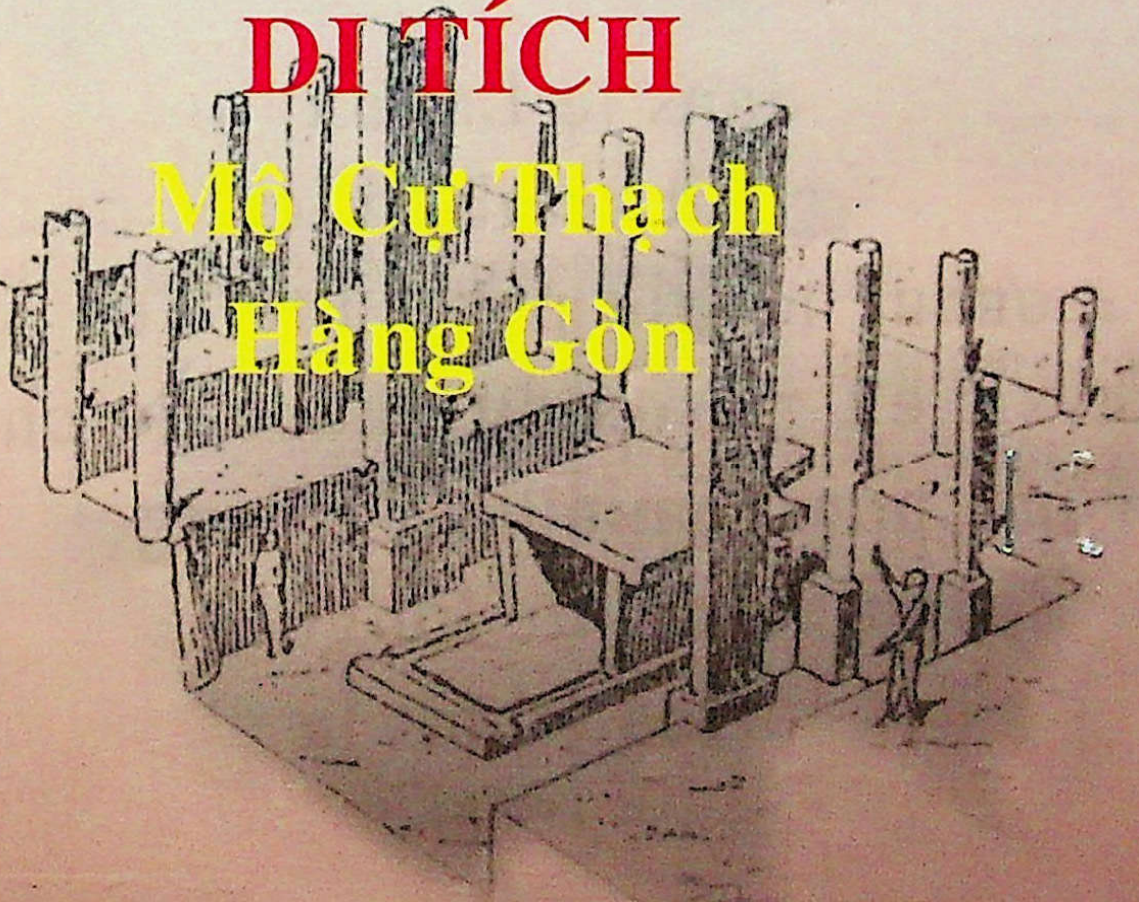
930.109 597 75

ĐC

D 300 T

**DI TÍCH**

**Mộ Cự Thạch  
Hàng Gòn**



06HGTS 35

ĐỒNG NAI, 2011

# **Di tích**

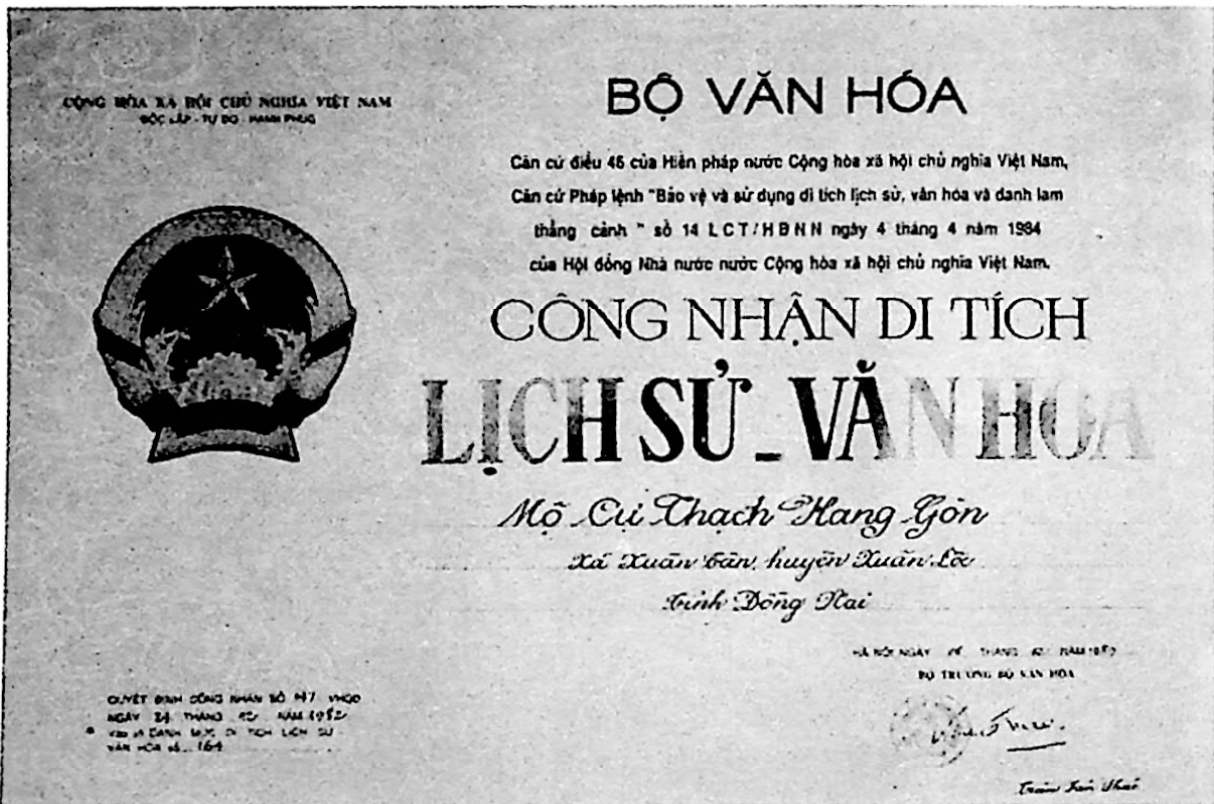
## **Mộ Cụ Thạch Hàng Gòn**

Chủ biên: Lê Trí Dũng

Thực hiện: Phan Thị Thịnh  
Phan Đình Dũng  
Đỗ Đăng Thắng  
Nguyễn Trí Nghị  
Nguyễn Văn Trung



2018/BC/VV 00901244



## Bảng công nhận di tích Mộ Cụ thạch Hàng Gòn

*“Di tích Mộ Cụ thạch Hàng Gòn là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh đoàn kết và tài năng sáng tạo của cư dân Tiên sử Đồng Nai. Đây là một thành tựu kỳ diệu, một công trình kiến trúc độc đáo góp phần làm sáng tỏ sự phát triển rực rỡ của Văn minh Tiên sử Đồng Nai”*

# LỜI GIỚI THIỆU

Hiện nay, trên tỉnh Đồng Nai có 42 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh. Trong đó, di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn là một trong những di tích cấp quốc gia được xếp hạng sớm nhất.

Trên mảnh đất Đồng Nai, từ các tiểu vùng địa hình: rừng núi của Tân Phú, Định Quán cho đến vùng đất đỏ bazan Xuân Lộc, Long Khánh hay vùng bình nguyên Biên Hòa, sông rạch Long Thành, Nhơn Trạch, các nhà nghiên cứu phát hiện nhiều dấu tích khảo cổ của cư dân xưa. Thế nhưng, chỉ có di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn thuộc xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được xếp hạng vì thuộc loại hình khá độc đáo: Vừa là di tích khảo cổ đồng thời cũng là di tích kiến trúc cổ.

Cùng với những địa điểm khảo cổ học khác, di chỉ Hàng Gòn đã góp phần minh chứng cho sự hình thành và phát triển của cư dân cổ trên vùng đất Đồng Nai. Trong quá trình tồn tại của mình, cư dân cổ đã để lại những thành tựu khá độc đáo, góp phần cho sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh lưu vực sông Đồng Nai. Di tích khảo cổ học Mộ Cự thạch Hàng Gòn là một trong những thành tựu tiêu biểu của cư dân cổ Đồng Nai thời tiền sử - sơ sử. Giá trị của di

tích không chỉ ở kích thước của công trình mà còn thể hiện sự sáng tạo, sức mạnh, bàn tay khéo léo của cư dân cổ cách đây hàng nghìn năm. Lớp cư dân cổ đã bằng sức mạnh, khối óc của mình đã để lại cho hậu thế một công trình kỳ vĩ và còn nhiều bí ẩn.

Kể từ khi phát hiện và khai quật năm 1927 cho đến nay, di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, đặc biệt về khảo cổ học trên thế giới. Di tích là một loại hình mộ táng bằng đá (Dolmen) độc đáo không chỉ ở Việt Nam mà còn của châu Á, thế giới. Nó góp phần làm đa dạng về loại hình di tích Cự thạch và những vấn đề liên quan đến các lớp cư dân cổ trong diễn trình phát triển của nhân loại.

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đang tiến hành việc trùng tu, tôn tạo di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn nhằm bảo tồn sự phát triển bền vững của di tích và phát huy chung trong hiện tại. Đây là một công việc có ý nghĩa thiết thực góp phần trong việc bảo vệ những giá trị di sản của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói riêng và di sản văn hóa của nhân loại nói chung.

Nghiên cứu về di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn có nhiều nhà khoa học nước ngoài, chủ yếu là người Pháp như: Jean Bouchot, Henri Parmentier, Louis Malleret, Edmon Saurin... Trong giới khảo cổ Việt Nam, một số

nhà khoa học như GS Lê Xuân Diệm, PGS.TS Phạm Đức Mạnh, TS Nguyễn Văn Long, TS Phạm Quang Sơn, TS Lâm Mỹ Dung, Đỗ Bá Nghiệp, Lưu Ánh Tuyết...đã tham gia khảo sát, khai quật, công bố những tư liệu khoa học liên quan đến di tích trong những ấn phẩm, những tham luận tại các hội thảo.

Trên cơ sở các nguồn tư liệu về di tích của các tác giả trong và ngoài nước, hồ sơ di tích lưu tại Nhà Bảo tàng tỉnh Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai... nhóm tác giả kế thừa tư liệu cùng với những khảo sát, nghiên cứu riêng biên soạn sách ***“Di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn”*** nhằm quảng bá di tích trong công tác bảo tồn di sản văn hóa ở Đồng Nai. Cuốn sách được xuất bản sẽ là một tài liệu khoa học có giá trị cho những ai quan tâm đến lịch sử - văn hóa của vùng đất Đồng Nai nói chung, đến di tích - công trình kiến trúc cổ Mộ Cự thạch Hàng Gòn nói riêng. Trong quá trình thực hiện cuốn sách này, mặc dù nhóm tác giả đã nỗ lực cố gắng rất nhiều nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong các độc giả đón nhận và có những đóng góp trên tinh thần xây dựng để nhóm tác giả thực hiện tốt hơn trong những lần tái bản.

**Lê Trí Dũng**

## MỞ ĐẦU

Lòng đất Đồng Nai có một quá khứ cực kỳ sâu thẳm và là nơi ẩn chứa nhiều dấu tích của cư dân cổ từ thời tiền sử và sơ sử. Trên một bình diện của kết quả nghiên cứu khảo cổ học từ trước đến nay, có thể khẳng định, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là một trong những trung tâm của buổi bình minh xã hội loài người. Nơi đây, từng chứng kiến sự hình thành, phát triển của cộng đồng người cổ quần tụ và liên tục sáng tạo văn minh thời tiền sử - sơ sử cho đến những thế kỷ sau công nguyên, trước khi cư dân Việt đến khai khẩn vào thế kỷ XVI.

Hơn một thế kỷ với hàng trăm cuộc điều tra, thám sát, khai quật, các nhà nghiên cứu đã đưa ra ánh sáng hàng trăm di chỉ khảo cổ học với hàng vạn hiện vật: Từ công cụ sản xuất, sinh hoạt, đồ trang sức, đồ thờ, đến vũ khí, nhạc cụ... đa dạng chất liệu như đá, gốm, đồng, sắt và phong phú từ các địa tầng văn hoá đã cung cấp một nguồn cứ liệu, thông tin quan trọng về niên đại, trình độ văn minh, hình thái xã hội của những lớp cư dân cổ Đồng Nai.

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống khoa học các di tích, di vật trên địa bàn Đồng Nai, đặc biệt những dấu

tích của thời tiền sử, các nhà khoa học trong và ngoài nước đã đưa đến những nhận định về một nền văn hoá cổ từng hình thành được gọi tên “*Phức hệ văn hoá Đồng Nai*” hay “*Văn hoá Đồng Nai*” trong cấu trúc chung của diễn trình Văn hóa Việt Nam.

Những di tích khảo cổ Đồng Nai rất phong phú, đa dạng. Thời đại đồ đá cũ có các di tích Hàng Gòn, Dốc Mờ, Dầu Giây, Cam Tiêm, Phú Quý, Bình Lộc, Núi Đất... đặc biệt, trong bộ sưu tập hiện vật được tìm thấy, hạch đá hình hạnh nhân ở Dốc Mờ (xã Gia Tân, huyện Thống Nhất) được xem là một công cụ điển hình thể hiện đặc trưng thời trung kỳ A- Sơn, cuối niên đại Mindel – Riss khoảng 250.000 - 300.000 năm cách ngày nay. Những di tích thời đá mới - đồng như : Cầu Sắt, Suối Linh, Bình Đa, Cái Vạn, Gò Me, Cù lao Rùa, Long Giao, Hàng Gòn, Cái Lăng, Rạch Lát... đây là những di tích phản ánh một thời kỳ lịch sử phát triển mạnh mẽ của các lớp cư dân cổ Đồng Nai từ thời đồ đá đến giai đoạn kim khí. Tại di tích Bình Đa, qua khai quật đã phát hiện hàng chục thanh, đoạn dàn đá trong địa tầng văn hoá đã thu hút sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Niên đại của dàn đá Bình Đa được định vị khoảng 3.000 - 2.700 năm cách ngày nay, đã đóng góp quan trọng cho việc



ngiên cứu loại hình nhạc cụ cổ của nước ta. Văn hoá thời đồ sắt ở Đồng Nai gắn kết hai giai đoạn phát triển đồng thau và sắt sớm. Mặc dù những di tích thời kỳ này số lượng phát hiện không nhiều nhưng những di vật tìm thấy khẳng định đây là giai đoạn phát triển cực thịnh của người cổ trên đất Đồng Nai. Di tích Suối Chồn, Long Giao, Phú Hoà là đỉnh cao của thời kỳ kim khí có niên đại cách đây 3.000 - 2.500 năm. Những hiện vật trong di tích Long Giao (xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ) như bộ qua đồng với số lượng lớn và những chiếc dao sắt, đồ trang sức... cho thấy cư dân Đồng Nai xưa đã biết đến kỹ thuật luyện kim với một trình độ cao, xã hội người cổ không ngừng phát triển, tạo dựng nên một nền văn minh rực rỡ trong quá trình xuất hiện, phát triển của mình.

Trên địa bàn Đồng Nai hiện tại có hàng trăm địa điểm, di chỉ đã phát hiện có vết tích của các nền văn hoá cổ. Thế nhưng, chỉ có một di tích khảo cổ được xếp hạng. Đó chính là di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn ở xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh. Di tích thuộc loại hình Dolmen (Cự Thạch) này phát hiện vào năm 1927 và ba năm sau được liệt hạng di tích quan trọng ở Nam Kỳ. Năm 1982, di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích cấp Quốc gia, là

một trong những loại hình di tích độc đáo, có thể “đại diện cho loại hình Dolmen châu Á”.

Chính sự hiện hữu của di tích Mộ Cự thạch trong lòng đất Hàng Gòn và sự phát hiện đầu thế kỷ XX đã đánh dấu một mốc “phát hiện khoa học khảo cổ đầy thú vị” cho công việc nghiên cứu về những lớp cư dân cổ đã từng tồn tại trên vùng đất này. Di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn được xác định niên đại cách đây trong khoảng 2.000 năm. Trải qua thời gian dài tồn tại như thế với bao biến thiên của tự nhiên, xã hội, di tích vẫn tồn tại mặc cho sương gió, vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt như một thách thức với thời gian, để lại nhiều bí ẩn thú vị mà cho đến ngày nay cần những giải mã thấu đáo. Công trình kiến trúc cổ Mộ Cự thạch Hàng Gòn với sự kỳ vĩ của chúng đã đặt ra bao câu hỏi đối với các nhà nghiên cứu.

Cư dân nào đã xây dựng khu di tích này? Bằng cách nào mà con người cổ đã vận chuyển những tấm đá, trụ đá hoa cương nặng hàng chục tấn từ các địa điểm khác đến Hàng Gòn vốn là vùng rừng núi bạt ngàn, địa hình tự nhiên đầy khó khăn, đường thủy không có? Cư dân cổ đã sử dụng kỹ thuật gì để trồng các trụ đá, nâng hạ các tấm đan to lớn, ghép chúng thành một dạng hầm mộ độc đáo? Tại sao cư dân cổ

xây dựng hầm mộ tại Hàng Gòn là hình khối chữ nhật mà không là các dạng thức khác? Những người có vị trí như thế nào trong cộng đồng khi chết được cư dân cổ chọn mai táng trong hầm mộ kiên cố này? Con người cổ xưa Hàng Gòn đã có tín niệm như thế nào khi mai táng cho người chết? Hình thức và các nghi thức liên quan đến di tích? Những vật dụng nào được người xưa sử dụng trong quá trình xây dựng di tích? Trong vùng Hàng Gòn chỉ có duy nhất một hầm mộ hay là còn những hầm mộ khác của cư dân cổ mà con người ngày nay chưa phát hiện? Mộ Cự thạch Hàng Gòn có phải là một “dấu chỉ” về một kho báu nào đó mà con người ngày nay chưa giải mã được? Di tích cự thạch này có phản ánh điều gì về cách mà người xưa nhìn nhận về thiên văn, thời tiết? Có hay không những hiện vật chưa từng được công bố qua cuộc khai quật lần thứ nhất vào năm 1927? Chủ nhân của khu di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn có quan hệ như thế nào với chủ nhân của bộ vũ khí “Qua” hay tượng thú “con Trút” bằng đồng phát hiện ở địa điểm Long Giao? Loại hình Cự thạch Hàng Gòn có mối quan hệ nào với các dạng cự thạch ở Việt Nam, ở khu vực Đông Nam Á, châu Á? Hậu duệ của cư dân cổ đã xây dựng công trình mộ cổ Hàng Gòn là dân tộc nào trên vùng đất

Nam Bộ ngày nay?...vv... Kể từ khi phát hiện cho đến nay, con người hiện nay có thể đặt ra hàng trăm câu hỏi liên quan về di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn để thỏa tính tò mò, tìm hiểu hay lý giải chúng. Và nhiều câu hỏi cho đến bây giờ vẫn chưa có lời giải thỏa đáng. Các nhà khoa học, đặc biệt giới nghiên cứu khảo cổ học vẫn tiếp tục nghiên cứu, tiếp tục lý giải trên cơ sở khoa học nhất. Sự bí ẩn liên quan đến di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn vẫn còn đó. Đó là sự thách thức của con người cổ cách đây khoảng 2.000 năm dành cho con người hiện nay. Chính những bí ẩn chưa có lời giải đáp làm cho di tích trở nên hấp dẫn hơn với sự tồn tại của chính nó từ xa xưa cho đến nay.

Chắc chắn, khi đến tham quan di tích, chiêm ngưỡng công trình kiến trúc cổ này, hẳn mỗi người tự đặt câu hỏi và có cách nghĩ của riêng mình. Sự hiện hữu của di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn là một minh chứng sống động về những thành tựu của con người cổ xưa trên vùng đất Đồng Nai. Công trình với những trụ đá, tảng đá hoa cương to lớn, có cấu kết kiến trúc độc đáo này được xây dựng cách đây khoảng hàng ngàn năm không chỉ phản ánh về sức mạnh, tinh thần đoàn kết mà nó còn thể hiện ý tưởng sáng tạo đa dạng, tính thẩm mỹ về nghệ thuật, sự khéo léo về kỹ

thuật của con người cổ xưa.

Cùng với những phát hiện di chỉ, di vật khảo cổ khác, di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn đã góp phần “minh chứng” cho sự đa dạng, phong phú và bổ sung cho thành tựu của con người cổ ở Đồng Nai - một vùng đất được giới khảo cổ mệnh danh đã hình thành một nền “Văn minh lưu vực sông Đồng Nai” phát triển ở Nam Bộ.



# Chương 1

## Tổng quan về vùng đất di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn

### 1.1. Tên gọi di tích

Tên gọi chính thức của di tích là Mộ Cự thạch Hàng Gòn. Tên gọi này gồm nhiều thành tố: Xác định tính chất kiến trúc và những đặc điểm liên quan kết hợp với địa danh nơi di tích phát hiện. Trong tên gọi này cũng xuất hiện yếu tố từ Hán - Việt là Cự thạch - có nghĩa là Đá lớn.

- **Cự thạch** (tiếng Anh: *Megalith*) là các tảng đá lớn được sử dụng để xây dựng các kết cấu hay các di tích, hoặc là đứng một mình hoặc là cùng với các tảng đá khác. Trong ngôn ngữ một số nước châu Âu, người ta dùng từ *Megalith* để chỉ cự thạch. Nó có nghĩa là làm từ những tảng đá như vậy, nhưng sử dụng cơ chế tự khóa mà không sử dụng vữa hay các chất kết dính nào khác. Từ *Megalith* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ *Megas* nghĩa là *lớn* và *Lithos* nghĩa là *đá*.

Năm 1930, Mộ Hàng Gòn có tên trong Danh mục di tích lịch sử Nam Kỳ, số thứ tự là 38, là: **Mộ**

---

\* Theo <http://vi.wikipedia.org/wiki>

## **Đông Dương - Mộ Dolmen Hàng Gòn Xuân Lộc - Biên Hòa.**

Có nhiều cách phân loại Cự thạch, cách phân loại truyền thống gồm ba loại như: **Trác thạch, Trường thạch và Hoàn thạch. Dolmen:** Là một trong những dạng thức của Cự thạch - thuộc loại hình Trác thạch, dạng Mộ đá.

Theo Heine Gelden, Cự thạch gồm: Menhir (Đá thẳng - trường thạch), **Dolmen** (Mộ đá - trác thạch), Stone cist (Hòm đá - mộ), Stone jar (Chum đá), Stone sarcophagus (Quách đá), Stone sculpture (Tượng đá lớn), Stone bend (Cầu đá ở biển), Stone wall (Tường đá), Stone stair (Bậc thang đá), Stone bathing place (Vũng tắm bằng đá), Cairn (Ụ đá hình tháp), Terrace (Thềm đá), Stepped Pyramid (Kim tự tháp đá có bậc)\*.

**Hàng Gòn** là địa danh riêng của một vùng đất. Địa danh này gắn với một đơn vị là Nông trường cao su Hàng Gòn. Về mặt hành chính, Hàng Gòn đã từng là một ấp: Ấp Hàng Gòn của xã Xuân Thanh thuộc huyện Xuân Lộc trước đây. Hiện nay, địa danh này là đơn vị cấp xã: xã Hàng Gòn thuộc thị xã Long Khánh.

---

\* Dẫn theo Lâm Mỹ Dung. *Nghiên cứu Cự thạch ở Việt Nam và Đông Nam Á. Tài Liệu lưu tại Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai.*

Nông trường cao su Hàng Gòn được thành lập trên cơ sở của đồn điền cao su trước đây của ông William Bazé. Một viên quan Pháp, có người cho rằng là bạn thân của vua Bảo Đại. Đây là đồn điền tư nhân ở Long Khánh. Năm 1947, ông Bazé nhượng lại đồn điền cho người khác. Đồn điền này tiếp tục phát triển theo hình thức tư nhân cho đến năm 1975.

Địa danh Hàng Gòn hiện nay chưa có lý giải xác đáng. Theo một số người dân địa phương, họ lý giải một cách đơn giản, vùng đất này trước đây là nơi có nhiều cây Gòn. Một số người cao niên tại địa phương cho biết, từ thời ông William Bazé - chủ đồn điền cao su tại đây, đã cho trồng ven đường trong khu sở đồn điền nhiều dãy cây Gòn. Tên gọi Hàng Gòn cũng bắt đầu từ đó. Sau này, có những cây Gòn lớn mà đường kính thân cây khoảng hai đến ba vòng tay người lớn ôm mới hết. Vào những năm đầu thập niên 50, thế kỷ XX, một số người Pháp đến khảo sát dịch bệnh tại đồn điền Hàng Gòn, nhận định rằng các cây Gòn là một trong những yếu tố làm cho dịch sốt rét gia tăng nên đã kiến nghị chặt hạ những hàng cây Gòn trước đây\*.

Cây Gòn là một loài cây nhiệt đới thuộc bộ Cẩm

---

\* Theo ý kiến của các ông Trương Văn Lâm, Huỳnh Văn Nô, Nguyễn Văn Lộc hiện đang sinh sống tại xã Hàng Gòn cho biết vào ngày 01 tháng 10 năm 2011.



quỳ (Malvales), có nguồn gốc ở vùng Nam Mỹ và khu vực miền Tây của châu Phi. Loài cây này thường cao từ 5 đến 10 mét. Thân to lớn, vỏ màu xanh. Thậm chí, những cây lâu năm có đường kính thân lên đến 3 mét. Rễ cây đâm vào đất theo chùm. Thân cây và các cành lớn có nhiều gai, cứng. Lá phức, chứa 5 đến 9 lá chét, mỗi lá chét dài tới 20 cm và có dạng chân vịt. Cây trổ thành cho nhiều hoa vào mùa xuân, vào mùa hè - thu thì kết trái. Trong quả có chứa các hạt được bao bọc bởi các sợi mịn màu vàng là hỗn hợp của Linnhin và xenlulo. Khi quả khô, tự tách vỏ để bông và hạt rơi ra. Hiện nay, vùng đất Hàng Gòn vẫn còn tồn tại một số loại cây này trong vườn nhà của người dân.

Theo người dân địa phương, mộ Cụ thạch Hàng Gòn có tên: Mả Ông Đá. “Mả” là tên gọi dân dã chỉ phần mộ chôn người chết. Do thấy cái “mả lớn”, được làm toàn bằng đá nên họ gọi một cách vừa dân dã vừa cung kính gắn với danh từ nhân xưng như chỉ về một nhân vật cụ thể là Ông Đá. Và, từ cách gọi này cũng như trong tín niệm đối với nơi chôn người chết, đặc biệt với một nhân vật mà họ chưa biết, nhưng theo cách nghĩ chắc chắn to lớn được chôn tại đây nên người dân địa phương đã lập một miếu thờ “Ông Đá” dưới gốc cây cổ thụ gần di tích.

## 1.2. Tổng quan về vùng đất di tích

### 1.2.1. Về một số địa danh liên quan

- Hàng Gòn là địa danh gắn với di tích và các tên gọi Xuân Lộc, Long Khánh do sự thay đổi của địa danh hành chính trong quá trình phát triển chung của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Vì vậy, trong các hồ sơ, dữ liệu liên quan đến di tích trước đây có đề cập đến các địa danh này Hàng Gòn, Xuân Lộc, Long Khánh, Biên Hòa, Đồng Nai.

Một cách khái quát nhất về hành chính, có thể nhận thấy như thế này:

**Hàng Gòn** trước đây là một thôn thuộc tổng Bình Lâm Thượng, xã Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa.

Sau đó, Hàng Gòn là đơn vị hành chính cấp ấp, thuộc xã Thới Giao, quận Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh.

Sau năm 1975, Hàng Gòn thuộc ấp Xuân Thanh, xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc. Ngày nay, Hàng Gòn là đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thị xã Long Khánh.

**Xuân Lộc** là đơn vị hành chính cấp huyện, thuộc tỉnh Đồng Nai hiện nay. Trước đây, Xuân Lộc là một quận có diện tích khá lớn trong bốn quận của tỉnh Biên Hòa. Năm 1957, chính quyền Sài Gòn cắt quận Xuân Lộc của tỉnh Biên Hòa thành lập tỉnh Long



2018/8C/VV 00001244

Khánh. Sau năm 1975, chính quyền cách mạng thành lập huyện Xuân Lộc trên cơ sở của tỉnh Long Khánh trước đây. Trong huyện Xuân Lộc có thị trấn Xuân Lộc vốn là tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh. Năm 1991, huyện Xuân Lộc tách ra làm hai huyện, gồm Xuân Lộc và Long Khánh. Như vậy, từ năm 1991, di tích Mộ Cụ thạch Hàng Gòn không còn gắn với Xuân Lộc.

**Long Khánh** hiện nay là đơn vị hành chính cấp thị xã thuộc tỉnh Đồng Nai. Theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, cho biết: Trước năm 1836, Long Khánh là địa bàn sinh sống của những người dân tộc thiểu số, thuộc hai phủ Long An và Phước Khánh. Năm 1837, huyện Long Khánh được thành lập trên cơ sở hai phủ Long An và Long Khánh. Tên gọi Long Khánh là tên ghép của chữ Long và Khánh của hai phủ này. Phủ là đơn vị hành chính của nhà Nguyễn triều vua Minh Mạng. Lúc bấy giờ, Long Khánh thuộc phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa.

**Thị xã Long Khánh** được thành lập theo Nghị định số 97/2003/NĐ-CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ. Tính đến năm 2007, Long Khánh là đơn vị hành chính cấp thị xã duy nhất của tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa vốn là trung tâm tỉnh lỵ khoảng 55 km.

Vị trí của thị xã Long Khánh nằm khoảng giữa về phía đông của tỉnh Đồng Nai. Phía đông giáp huyện Xuân Lộc, phía nam giáp huyện Cẩm Mỹ, phía tây giáp huyện Thống Nhất và phía bắc giáp một phần huyện Thống Nhất, Định Quán và Xuân Lộc.

Về cơ cấu hành chính, thị xã Long Khánh có 15 đơn vị hành chính; gồm 6 phường và 9 xã. Các phường là: phường Xuân Bình, phường Xuân An, phường Xuân Hòa, phường Xuân Trung, phường Xuân Thanh, phường Phú Bình và các xã là: xã Bầu Trâm, xã Bảo Vinh, xã Bảo Quang, xã Suối Tre, xã Xuân Lập, xã Bầu Sen, xã Xuân Tân, xã Hàng Gòn và xã Bình Lộc.

### ***1.2.2. Xã Hàng Gòn hiện nay***

Qua nhiều lần thay đổi hành chính, hiện nay, xã Hàng Gòn thuộc thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Xã Hàng Gòn có diện tích 3.412,3120 km<sup>2</sup>. Vị trí địa lý được xác định: Phía Bắc giáp xã Xuân Tân (Tx. Long Khánh), phía Nam giáp xã Nhân Nghĩa (h. Cẩm Mỹ), phía Tây giáp xã Xuân Quế (h. Cẩm Mỹ) và xã Bầu Sen (Tx. Long Khánh), phía Đông giáp xã Xuân Định (h. Cẩm Mỹ).

Dân số toàn xã có 11.650 người (theo số liệu thống kê năm 2009), gồm các thành phần dân tộc

cùng cộng cư: Việt, Hoa, Chơ ro, Kơ ho, Khơ me... sinh sống. Hàng Gòn là một xã thuần nông, một bộ phận người dân là đội ngũ công nhân của Nông trường cao su Hàng Gòn.

Về cơ cấu hành chính, xã Hàng Gòn có 3 ấp: Ấp Hàng Gòn, ấp Đồi Riu, ấp Tân Phong. Địa bàn xã Hàng Gòn có quốc lộ 56. Trước đây là liên tỉnh lộ Bà Rịa với Biên Hòa, được khởi công từ năm 1910. Hiện nay, đây là một huyết mạch giao thông nối Hàng Gòn với các vùng lân cận, với trung tâm hành chính thị xã Long Khánh.

Trước năm 1995, quốc lộ 56 có tên là Đường tỉnh ĐT 763. Từ khi thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (diện tích tách ra từ tỉnh Đồng Nai), đường tỉnh nối liền tỉnh Đồng Nai với Bà Rịa - Vũng Tàu được nâng cấp thành tỉnh lộ. Tổng chiều dài của Quốc lộ 56 là 52 km, đoạn chạy qua Đồng Nai dài 18 km, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 34 km. Quốc lộ 56 chạy qua Hàng Gòn và kết nối vào quốc lộ I tại ngã 3 Tân Phong.

### ***1.2.3. Hàng Gòn qua những dấu tích khảo cổ***

Trước hết, về địa danh Hàng Gòn bắt đầu xuất hiện trong văn liệu khảo cổ từ năm 1963, theo những công bố của Edmon Saurin. Tên gọi Hàng Gòn có thể hiểu là gồm toàn bộ những di tích ở vùng này mà

trong từng trường hợp nhất định, Hàng Gòn còn biểu thị từng di tích theo thời gian riêng biệt vì các di tích thuộc các giai đoạn sớm muộn khác nhau. Đồn điền Hàng Gòn có diện tích rất rộng ngay từ thời William Bazé thành lập từ đầu thế kỷ XX. Hiện nay, diện tích của Nông trường Cao su Hàng Gòn quản lý không bó hẹp trong địa giới hành chính xã Hàng Gòn mà còn ở một số xã lân cận của thị xã Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ. Vì vậy, tên gọi các di chỉ khảo cổ được định danh Hàng Gòn trải rộng trên phạm vi của đồn điền cao su Hàng Gòn trước đây và phạm vi địa giới của đơn vị hành chính cấp xã khác.

Hàng Gòn 1, một di tích được phát hiện đầu tiên kể từ sau phát hiện Mộ Cự Thạch (Hàng Gòn 7) của Jean Bouchot vào năm 1927. Di tích còn có tên gọi là Núi Gôm. Trên bề mặt của di tích là mòm đồi đất đỏ Bazan cao 250 m (giữa phía Bắc suối Râm và phía Nam suối Sâu), nhà địa chất E.Saurin thu nhặt được những công cụ như rìu, nạo, nê-m, bàn nghiền, chày nghiền và khuôn đúc bốn mảnh bằng đá, đá có rãnh (có thể là bàn nghiền) và một số hiện vật gốm. Gốm phát hiện ở Hàng Gòn 1 gồm các mảnh vỡ từ các dạng nôi, bát, tô, đĩa... Di tích được định đoán niên đại khoảng trước sau 3.950 - 2500 năm cách ngày nay.

Hàng Gòn 2, là một di tích cư trú độc lập ở sườn một ngọn đồi cao 246m cách di tích Hàng Gòn 1 khoảng 500 m. Hiện vật thu được gồm những mảnh gốm và một chiếc vòng bằng đá bazan to, nặng được mài nhẵn. E.Saurin cho rằng, vòng đá này được dùng để gắn lên đầu cây gậy chọc lỗ. Niên đại di tích tương đương với Hàng Gòn 1.

Hàng Gòn 3, là di tích có quy mô trên diện tích 4-5 héc ta, cách trung tâm Nông trường Cao su Hàng Gòn về phía Đông khoảng 1km. Số lượng hiện vật thu nhặt được gồm khối đá sa thạch màu xanh, có thể là nguyên liệu để chế tác khuôn đúc, bàn mài hình chảo, rìu mài bazan, thẻ đeo bằng đá sừng, phế vật hình kim tự tháp có dấu xuyên lỗ ở hai mặt, một số mảnh tước... và bị gốm, mảnh gốm của các loại nôi, vò có hoa văn in dập thể hiện những đường song song và gạch chéo. Niên đại di tích tương đương với Hàng Gòn 1.

Di tích Hàng Gòn 4, nằm gần phía Bắc chân núi Cẩm Tiêm. Nơi xuất hiện khá nhiều gốm cổ. Các loại gốm có xương đen, xám và pha nhiều cát thạch anh, hoa văn chải răng lược. Tại đây cũng phát hiện được một thẻ đeo có dạng gần hình tam giác bằng đá Bazan hạt mịn. Hiện vật này được mài cẩn thận, có một lỗ

xuyên ngang và lỗ xuyên vuông góc khá độc đáo. Niên đại di tích tương đương với Hàng Gòn 1, Hàng Gòn 2, Hàng Gòn 3.

Hàng Gòn 5, là di tích nằm trên đỉnh ngọn đồi cao 225 mét, cách núi Cẩm Tiêm khoảng 3,5 km về phía Bắc. Tại đây, phát hiện mảnh tước đá và một số mảnh gốm. Gốm màu vàng đỏ, màu đen, xương màu xám, pha nhiều cát hạt vốn là những mảnh vỡ từ loại nôi, vò. Hầu hết, gốm được làm bằng bàn xoay. Niên đại di tích tương đương với Hàng Gòn 1, Hàng Gòn 2, Hàng Gòn 3.

Hàng Gòn 6, là di tích ở chân phía Tây Bắc của ngọn đồi có độ cao 275 mét thuộc địa phận ấp Nhân Gia (còn gọi là Lò Than) thuộc xã Thới Giao trước đây. Di tích còn gọi tên là Nhân Gia hay đồi 275, đồi Sáu Lé. Nay thuộc địa phận xã Nhân Nghĩa. Số hiện vật được tìm thấy khá nhiều, gồm: rìu tay, mũi nhọn, nạo và các phác vật. Những hiện vật thu được trong lớp đất đỏ, ở độ sâu 0,40 mét. Phần lớn chúng được làm từ đá Bazan. Niên đại được đoán định cách ngày nay 60 - 70 vạn năm, thuộc vào thời kỳ đá cũ.

Hàng Gòn 7 (còn gọi là Mộ Cự thạch Hàng Gòn). Nhân dân địa phương gọi là Mả ông Đá - được kĩ sư Jean Bouchot người Pháp phát hiện vào năm



1927 khi chủ trì mở đường tỉnh lộ 2 từ Long Khánh đi Bà Rịa. Di tích là một hầm mộ được làm bởi những tấm đá hoa cương lớn với những trụ dài, nặng. Ngôi mộ hình hộp dài 4.2m, ngang 2.7m và cao 1.6m được ghép bởi sáu tấm đá hoa cương nhờ vào hệ thống rãnh dọc chắc chắn. Xung quanh mộ có nhiều trụ đá hoa cương và sa thạch, trụ cao nhất dài 7.5m, tiết diện cắt ngang hình chữ nhật, phần lớn các trụ đá được khoét lõm hình yên ngựa.

Hàng Gòn 8 và Hàng Gòn 10 trong khu vực Hàng Gòn cũng là nơi phát hiện có nhiều mảnh gốm cổ. Hầu hết các loại gốm này được làm bằng kỹ thuật bàn xoay.

Hàng Gòn 9, là khu di tích mộ chum, nằm trên vùng đất đỏ Bazan, cạnh suối Gia Liêu... Di chỉ là nơi phát hiện nhiều hiện vật làm từ chất liệu gốm, đá, đồng, sắt và các loại trang sức.

Ban đầu, tại nơi đây chỉ phát hiện một vài chum gốm, khuyên tai hai đầu thú, một thanh kiếm bằng sắt và nhiều mảnh gốm vỡ. Sau đó, đã phát hiện thêm 60 chum gốm chôn đứng, phía trong gồm những vật dụng bị đập vỡ, bẻ gãy kể cả những hiện vật bằng đồng đá. Riêng những đồ vật bằng sắt và đồ trang sức còn nguyên vẹn. Đặc biệt, đồ trang sức có các loại hạt

chuỗi và khuyên tai. Trong số hạt chuỗi, có hạt làm bằng chất liệu vàng bằng kỹ thuật dát, khoan. Khuyên tai hai đầu thú làm bằng đá, có chạm hình hai mặt thú. Di tích còn có các tên gọi Suối Hàng Gòn hoặc Suối Đá. Niên đại di tích được xác định khoảng 2.000 năm cách ngày nay.

Những loại chum gốm trong di tích Hàng Gòn 9 có ba dạng khác nhau: chum có hông gàn đáy, mép rộng, miệng loe; chum hình quả trứng, có hoa văn quanh thân và chum có đáy trũng, miệng loe, không có hoa văn trang trí. Hiện vật gốm có các loại như nôi, cốc, đĩa, chân đèn, nắp đậy, dọi xe chỉ, khoanh gốm.

Ngoài khu, vực Hàng Gòn trên địa bàn Long Khánh còn có các địa điểm khảo cổ học như: núi Cẩm Tiên - một hệ thống núi gồm nhiều miệng núi lửa ngăn cách nhau bởi nhiều con suối nhỏ nằm phía Đông tỉnh lộ 2 (nay là Quốc lộ 56). Tại đây, các nhà khảo cổ thu nhặt được một số công cụ làm bằng đá, sản phẩm của thời đại đồ đá cũ. Núi Đất, ngọn núi lửa cổ ở phía Nam Nông trường Cao su Hàng Gòn cũng phát hiện được công cụ hình rìu, công cụ tước, công cụ hai mặt của lớp cư dân cổ. Suối Chồn thuộc ấp Bảo Vinh qua 2 đợt khảo sát, khai quật đã tìm thấy nhiều hiện vật là công cụ của người tiền sử như: rìu đá, bàn

mài, khuôn đúc, ba chiếc rìu bằng đồng thau và dao sắt, bi gốm và núm gốm cùng nhiều mảnh gốm vỡ, đồ thủy tinh và có một vòng đeo tay. Đặc biệt có 19 ngôi mộ dùng đồ gốm làm quan tài để chôn. Đồ tùy táng chôn theo có số lượng, chất liệu khác nhau. Hầu hết gồm những loại: nồi gốm nhỏ, hoa tai bằng thủy tinh, rìu sắt, kiếm sắt, đồ trang sức bằng đá và hạt chuỗi... Đây là một di chỉ thuộc loại hình cư trú và mộ táng của lớp cư dân thời đại sắt sớm Phú Hòa, một địa điểm cách trung tâm thị xã Long Khánh khoảng 3km về phía Nam. Theo tài liệu của H.Fontaine trước đây cho biết, đây là một khu mộ táng có mật độ khá dày, dùng chum gốm làm quan tài. Trong từng mộ chum có rất nhiều đồ tùy táng. Đồ gốm các loại như đĩa, nồi, bình, chân đèn, bát mâm bông, bi gốm, ống chi với số lượng dày, được trang trí hoa văn. Đồ sắt gồm công cụ và vũ khí như búa, lưỡi hái, kiếm, đồ trang sức. Đồ đá có khuyên tai và vòng. Đồ đồng có vòng đeo tay và lục lạc. Đồ thủy tinh có vòng và hạt chuỗi.

Đặc biệt, tại xã Long Giao trên một ngọn núi lửa cổ, đã phát hiện một bộ sưu tập “Qua” đồng có số lượng lớn, đa dạng về kích cỡ, được trang trí khắc họa hoa văn phong phú, sắc sảo. Đây là di tích đầu tiên mà khảo cổ học Việt Nam phát hiện số lượng “Qua” đồng

khá nhiều. Long Giao có thể là một kho lưu giữ vũ khí, là minh chứng hùng hồn cho kỹ thuật luyện kim của lớp cư dân cổ Đông Nai. Bên cạnh những tiêu bản vũ khí dạng “Qua” này, các nhà khảo cổ còn phát hiện tượng “con trút” (còn gọi là Tê tê) bằng đồng. Những tiêu bản hiện vật này đã gợi mở nhiều vấn đề về cư dân cổ trên vùng đất Long Khánh - Đông Nai nói riêng, vùng miền Đông Nam Bộ nói chung.

Nhờ vào phát hiện khảo cổ học, chúng ta được biết đến Long Khánh là địa bàn có nhiều di chỉ của những lớp cư dân người tiền sử. Những dấu tích văn hóa cổ là minh chứng cho sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người buổi đầu tiên, mà Long Khánh là một cái nôi trong bối cảnh chung đó. Hệ thống các di tích cổ ở Long Khánh được phát hiện, trải dài trong lịch sử phát triển của loài người, vào từng giai đoạn của thời kỳ đồ đá.

Qua nghiên cứu, đối chứng và các phương pháp phóng xạ C14 xác định niên đại, các nhà khoa học đã hệ thống các di tích vào từng giai đoạn cụ thể. Về thời đại đồ đá cũ có các di tích Hàng Gòn 6, Núi Đất, Cẩm Tiên. Các công cụ của thời kỳ này được tìm thấy thường làm từ đá Bazan. Loại đá này rất phong phú ở khu vực Long Khánh với đặc điểm là có nhiều khe

nứt nguyên sinh, cứng nhưng giòn, thuận lợi cho việc chế tác. Di tích Hàng Gòn 6, tương ứng với gián băng Minden-ritxơ ở Châu Âu, cách ngày nay khoảng 60 - 30 vạn năm. Thời đại đá mới, đồng gồm các di tích 1, 2, 3, 4, 8, 10, Thới Giao và niên đại Hàng Gòn 1 được xác định là 3950 + 250 năm cách ngày nay. Thời đại sắt sớm gồm các di tích Hàng Gòn 7, 9; Suối Chồn, Long Giao, Phú Hòa. Niên đại các di tích, di vật được đoán định trong khoảng 2.500 năm cách ngày nay. Cụm di tích này mang đầy đủ tính chất của một giai đoạn phát triển cuối cùng trong thời kỳ tiền sử Đồng Nai. Ở Đồng Nai, các di tích thời đại sắt sớm được phát hiện không nhiều và tập trung hầu hết ở địa bàn huyện Long Khánh. Nó ẩn chứa một nội hàm văn hóa mới và phong phú, thể hiện sự chuyển biến lớn trong tiến trình phát triển văn hóa của cư dân cổ. Đặc biệt trong giai đoạn phát triển này, lớp cư dân tại Long Khánh đã làm nên những thành tựu tiêu biểu, đặt dấu ấn sáng tạo tuyệt vời của mình trong lịch sử công trình Mộ Cự Thạch ở Hàng Gòn - một trong những di chỉ khảo cổ học với kiến trúc độc đáo, trong số hiếm quý ở Việt Nam, Đông Nam Á và thế giới cùng bộ “Qua” đồng Long Giao với trình độ chế tác cao về kỹ thuật, mỹ thuật.

Cùng với những phát hiện khảo cổ học trên toàn vùng Đồng Nai, các dấu tích văn hóa cổ được tìm thấy ở Long Khánh đã góp phần cho việc nghiên cứu, định dạng về một thời kỳ lịch sử của con người buổi đầu trong quá trình hình thành và phát triển ở Đồng Nai - Việt Nam nói riêng và trong phạm vi thế giới nói chung. Nơi đây, lớp người cổ Đồng Nai đã đặt những bước chân đầu tiên của mình vào lịch sử, và trong quá trình thích ứng, tồn tại để phát triển, họ đã để lại những dấu ấn tuyệt vời mà sức sống văn hóa truyền thống đó không hề bị mất đi. Trái lại, trong điều kiện lịch sử mới, nó là nền tảng văn hóa tại chỗ vững bền cho quá trình hình thành, phát triển các mới.

